

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/DS-ST

Ngày: 17-6-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng, hợp đồng thế chấp quyền
sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lạc

Bà Lê Thị Linh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (A). Địa chỉ: Số B, L, phường T, Quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Lâm Duy K – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện V. Địa chỉ: số G, đường C khu phố M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An – có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An – vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.1 Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1947. Địa chỉ: số E, ấp G, xã V, huyện C, tỉnh Long An – có đơn xin xét xử vắng mặt.

1.2 Ông Trần Gia B, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2006. Địa chỉ: khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An – vắng mặt.

1.3 Cháu Trần Gia T, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2012. Địa chỉ: khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (Người đại diện hợp pháp của cháu T tham gia tố tụng là: ông Trần Văn S, sinh năm 1980) – vắng mặt.

1.4 Công ty cổ phần B1 (ABIC) - Chi nhánh Thành phố H. Địa chỉ: C P, phường E, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh – có đơn xin xét xử vắng mặt.

1.5 Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An – có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về yêu cầu khởi kiện, ý kiến và trình bày của đương sự:

Người đại diện của nguyên đơn A trình bày trong đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2024 và tại phiên tòa: Yêu cầu ông S trả số tiền 191.169.863 đồng, trong đó tiền vay gốc 150.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 17 tháng 6 năm 2025 là 41.169.863 đồng và tuyên công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6610-LCL-2023TT107/HĐTC ký ngày 16/05/2023 được đảm bảo để thi hành án. Lý do yêu cầu được trình bày cụ thể như sau:

Vào ngày 16 tháng 5 năm 2023 A - Chi nhánh huyện V có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 6610LAV202301444/HĐTD với ông Trần Văn S và bà Phạm Cẩm T1. Số tiền vay và lãi suất vay cụ thể như sau: số tiền vay: 150.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm. Đến nay số nợ vay trên đã quá hạn Ngân hàng đã thông báo cử cán bộ trực tiếp xử lý nợ nhưng ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Khi vay ông S và bà T1 có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành án, cụ thể hợp đồng thế chấp số: 6610-LCL-2023TT107/HĐTC ký ngày 16/05/2023 đối với diện tích 62 m², thửa số 44 tờ bản đồ số 5-2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa: CE 180836, địa chỉ đất: Thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Và tiếp tục tính lãi từ ngày 13/6/2024 theo hợp đồng trên cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn ông S (đồng thời là người đại diện của cháu T) vắng mặt tại phiên tòa, các tài liệu trong hồ sơ thể hiện ý kiến: Ông và bà T1 là vợ chồng, trước đây có vay tiền tại ngân hàng 150.000.000 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất như ngân hàng trình bày. Khi ký hợp đồng tín dụng ông có trình bày về việc vay nợ để điều trị bệnh cho bà T1 nhưng ông Nguyễn Thái H vẫn tư vấn và ép buộc ông ký hợp đồng bảo hiểm với số tiền phải đóng là 2.650.000 đồng (gồm tiền mua bảo hiểm 1.350.000 đồng, tiền làm thủ tục 1.200.000 đồng, tiền giấy mực 100.000 đồng). Ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng vì số nợ trên đã được mua bảo hiểm nên bên phía bảo hiểm phải chi trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ vắng mặt tại phiên tòa và có trình bày trong biên bản ghi lời khai: Ông và bà Phạm Thị S1 là vợ chồng nhưng đã ly hôn từ lâu. Sau khi ly hôn bà S1 về V sinh sống nên ông không rõ bà S1 chết

năm nào, bà Phạm Cẩm T1 là con của ông và bà S1. Bà T1 chết có để lại di sản hay không ông không biết, việc vay tiền của vợ chồng bà T1, ông S ông không biết nên không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B vắng mặt tại phiên tòa, các tài liệu trong hồ sơ thể hiện ý kiến: Ông là con ruột của ông S và bà T1. Ba mẹ ông có 02 người con là ông và Gia T. Nay Ngân hàng kiện yêu cầu ông S trả nợ thì ông có cùng ý kiến với ông S, ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần B1 - Chi nhánh Thành phố H trình bày: Theo khai báo của gia đình bà T1 và các chứng từ y tế thu thập được thì bà T1 đã phát hiện bệnh và điều trị bệnh ung thư vú từ tháng 9 năm 2022, sau đó chuyển đến bệnh viện U và chết ngày 20/7/2023. Như vậy, bà T1 đã phát bệnh và điều trị trước thời điểm tham gia bảo hiểm bảo an tín dụng và cũng không thuộc trường hợp tái tục bảo hiểm (thời gian ngắt quãng của hợp đồng trước đã quá 60 ngày). Căn cứ quy tắc Bảo an tín dụng kèm theo Quyết định số 5959/2020/QĐ-ABIC-PHH ngày 16/12/2020 của Tổng giám đốc công ty B1 đã được Bộ T2 phê chuẩn thì đây là trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định tại mục 11.2 Điều 11. Ngày 06/8/2023, Công ty B1 đã có Thông báo giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho người được bảo hiểm và chi trả 2.000.000 đồng tiền mai táng phí cho ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H trình bày: Ông là người trực tiếp tư vấn bán bảo hiểm cho ông S, việc tư vấn được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, tư vấn đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của người mua bảo hiểm, ông cũng không được cung cấp thông tin về tình trạng bệnh của bà T1. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án và xin được vắng mặt.

- Về ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn ông S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông B chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, còn vắng mặt theo thông báo, giấy báo của Tòa án; nguyên đơn và các đương sự còn lại chấp hành đúng.

Về nội dung vụ án:

Ông Trần Văn S và vợ là bà Phạm Cẩm T1 có ký vào Hợp đồng tín dụng số 6610LAV202301444/HĐTD ngày 16/5/2023. Ngày 17/5/2023, ông Trần Văn S được ngân hàng giải ngân bằng phương thức chuyển khoản qua số tài khoản 66102036131580 mở tài tại A chi nhánh V, Long An với số tiền 150.000.000 đồng và ông S đã ký nhận báo cáo đề xuất kèm giấy nhận nợ số 6610-LDS-202302256. Do đó có cơ sở để xác định ông Trần Văn S có nợ ngân hàng A số tiền gốc 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn ông S cho rằng, ông và bà T1 có mua bảo hiểm bảo an tín dụng của Công ty cổ phần B1 chi nhánh thành phố H nên ông S không đồng ý trả nợ theo yêu cầu Ngân hàng. Căn cứ công văn số

463/CV-ABIC.HCM-GĐBT ngày 28/4/2025 của Công ty cổ phần B1 - Chi nhánh T thể hiện: A1 có giấy chứng nhận bảo hiểm BAE+23+770781 với thông tin cụ thể như sau: NĐBH Phạm Cẩm T1, sinh 01/01/1972; địa chỉ: khu phố B, thị trấn V, huyện V, Long An. Hiệu lực: 18/5/2023-18/5/2024. Số tiền bảo hiểm: 150.000.000 đồng. Theo khai báo của gia đình và các chứng từ y tế thu thập được thì bà Phạm Cẩm T1 đã phát hiện và điều trị bệnh ung thư vú từ tháng 9/2022, sau đó điều trị tại bệnh viện U1 đến ngày 20/7/2023 thì bà T1 tử vong (các chứng từ y tế đính kèm). Như vậy, bà Phạm Cẩm T1 đã tử vong do bệnh ung thư đã phát hiện và điều trị trước khi tham gia bảo hiểm bảo an tín dụng. Tại Mục 11.2 Điều 11 của Quy tắc bảo hiểm Bảo an tín dụng số 5959/2020/QĐ-ABIC-PHH ngày 16/12/2020 của Tổng Giám đốc công ty Cổ phần B1 quy định: Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm là: ABIC không chịu trách nhiệm chi trả quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp người được bảo hiểm đã phát hiện bệnh ung thư tại thời điểm hoặc trước thời điểm tham gia bảo hiểm năm đầu tiên (không áp dụng đối với trường hợp bảo hiểm tái tục do thời gian ngắt quãng của giấy chứng nhận bảo hiểm trước đã quá thời hạn 60 ngày). Vì vậy, trường hợp của bà T1 thuộc điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, hiện tại Bảo hiểm đã chi hỗ trợ số tiền mai táng phí cho gia đình người đăng ký bảo hiểm và gia đình đã thống nhất với phương án chi trả không có khiếu nại thắc mắc gì thêm. Do đó, bị đơn ông Trần Văn S không đồng ý trả theo yêu cầu của ngân hàng là không có cơ sở.

Đối với hợp đồng thế chấp: Khi vay ông Trần Văn S bà Phạm Cẩm T1 có ký Hợp đồng thế chấp số 6610-LCL-2023TT107/HĐTC ngày 16/5/2023, thế chấp tại A2 chi nhánh huyện V tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CE 180836, diện tích 62m², địa chỉ đất ở thị trấn V. Việc thế chấp trên đã được công chứng vào ngày 16/5/2023, tại Văn phòng C, đã được thực hiện đúng quy định.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: buộc ông Trần Văn S trả 191.169.863 đồng gốc và lãi và công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện ông S về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, bị đơn ông S có nơi cư trú và tài sản thế chấp tọa lạc tại khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông S, ông B vắng mặt không có lý do, Công ty B1, ông H, ông Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về giao kết và thực hiện hợp đồng:

[3.1] Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng số 6610-LAV-2023.01444 ngày 16/5/2023 và được giải ngân theo báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 6610-LDS-202302256 ngày 17/5/2023 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6610-LCL-2023TT107/HĐTC ngày 16/5/2023, ông S, bà T1 là người đã trưởng thành, không mắc các bệnh làm mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Hợp đồng thế chấp được công chứng, chứng thực và thực hiện việc đăng ký thế chấp theo quy định và thời điểm này đất không có tranh chấp. Vì vậy, các hợp đồng có hiệu lực pháp luật, khẳng định ông S, bà T1 có vay tiền của ngân hàng A và thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

[3.2] Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 6610-LDS-202302256 ngày 17/5/2023 thì ông S, bà T1 có vay của Ngân hàng A số tiền 150.000.000 đồng gốc và cam kết trả nợ gốc, lãi trong thời hạn 12 tháng, ngày cuối cùng trả nợ là ngày 16/5/2024. Ngày 20/7/2023, bà T1 chết vì bệnh, còn ông S thì không thực hiện đúng cam kết trả nợ theo các hợp đồng đã ký kết là vi phạm nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng vay có kỳ hạn quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[4] Xét về số tiền nợ gốc và nợ lãi: Nguyên đơn khẳng định từ khi vay đến nay, ông S chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng, bị đơn ông S không có ý kiến tranh chấp về số tiền vay nên tổng dư nợ của ông S, bà T1 đến nay là 150.000.000 đồng gốc. Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 6610-LAV-2023 01444 ngày 16/5/2023 và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 6610-LDS-202302256 ngày 17/5/2023 thì mức lãi suất áp dụng đối với khoản vay của ông S, bà T1 là 10%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm; thực hiện điều chỉnh tăng giảm theo quy định của Ngân hàng A. Như vậy, tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 17/6/2025) là 41.169.863 (gồm: Lãi trong hạn là 15.000.000 đồng; lãi quá hạn là 24.534.247 đồng; lãi chậm trả lãi 1.635.616 đồng). Mức lãi suất này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

[5] Xét ý kiến và lời trình bày của ông S về việc khoản nợ vay đã được mua bảo hiểm nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A:

[5.1] Ông S cho rằng khi ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A thì ông có trình bày về việc vay nợ để điều trị bệnh cho bà T1 nhưng ông Nguyễn Thái H vẫn tư vấn và ép buộc ông ký hợp đồng bảo hiểm với số tiền phải đóng là 2.650.000 đồng (gồm tiền mua bảo hiểm 1.350.000 đồng, tiền làm thủ tục 1.200.000 đồng, tiền giấy mực 100.000 đồng) nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Lời khai của ông S cũng không được ông H thừa nhận, ông H khẳng định việc tư vấn bán bảo hiểm cho ông S được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, tư vấn đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của người mua bảo hiểm, ông H cũng không được ông S cung cấp thông tin về tình trạng bệnh của bà T1. Như vậy, khẳng định hợp đồng bảo hiểm được giao kết hoàn toàn tự nguyện, nay ông S không tranh chấp về việc giao kết hợp đồng mà chỉ yêu cầu được bồi thường theo hợp đồng.

[5.2] Căn cứ Giấy chứng nhận bảo hiểm chữ ký số Bảo an tín dụng số BAE+23+770781 thể hiện: Thời hạn bảo hiểm từ 16 giờ 51 ngày 18/5/2023 đến 16 giờ 51 ngày 18/5/2024, bà T1 chết vào lúc 05 giờ 09 phút ngày 20/7/2023 và kết quả xác minh xác định bà T1 tử vong do bệnh ung thư vú và đã được điều trị từ tháng 9 năm 2022 là trước thời điểm phát sinh thời hạn bảo hiểm nên căn cứ quy tắc Bảo an tín dụng kèm theo quyết định số 5959/2020/QĐ-ABIC-PHH ngày 16/12/2020 của Tổng giám đốc công ty B1 đã được Bộ T2 phê chuẩn thì đây là trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định tại mục 11.2 Điều 11. Ngày 06/8/2023, Công ty B1 đã có Thông báo giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho người được bảo hiểm và chi trả 2.000.000 đồng tiền mai táng phí cho ông S.

Căn cứ các điều 20, 21, 22 Luật Kinh doanh bảo hiểm thì ông S đã vi phạm nghĩa vụ của bên mua, Công ty B1 được loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nên ý kiến của ông S về việc không trả nợ cho Ngân hàng A không được chấp nhận.

[6] Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông S, bà T1 có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số 6610-LCL-2023TT107/HĐTC ngày 16/5/2023, quyền sử dụng đất được đăng ký thế chấp lúc 16 giờ 00 phút ngày 16/5/2023 theo đúng quy định. Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 24/4/2025 thì thửa số 44 tờ bản đồ số 5-2 có 01 căn nhà đang xây dựng, do gia đình ông S quản lý sử dụng, ngoài ra trên đất không có cây trồng hay công trình khác.

[7] Ông S và bà T1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cùng ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, nay bà T1 đã chết, Ngân hàng A chỉ yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ trả nợ và tuyên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có hiệu lực pháp luật, được đảm bảo để thi hành án cho nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 288, Điều 298, Điều 317, Điều 319, Điều 323 của Bộ luật Dân sự và Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Từ các phân tích nêu trên, khẳng định đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Không có căn cứ

để chấp nhận ý kiến của ông S, ông B và cháu T có cùng ý kiến của ông S nên không được chấp nhận.

[9] Công ty B1, ông Đ, ông H không có yêu cầu trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí là 800.000 đồng, Ngân hàng N tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp với quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, đã nộp xong.

[11] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí được tính như sau: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tuy nhiên bị đơn thuộc đối tượng hộ cận nghèo và xin miễn tiền án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí. Ngân hàng N được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288, Điều 298, Điều 317, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ các điều 20, 21, 22 của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Căn cứ Điều 12, Điều 14, Điều 15 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Trần Văn S phải trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc và lãi đến ngày xét xử (ngày 17/6/2025) là 191.169.863đ (Một trăm chín mươi một triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng), trong đó: số tiền nợ gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), tiền nợ lãi là 41.169.863đ (Bốn mươi một triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Văn S còn phải tiếp tục chịu lãi đối với số nợ chưa thi hành xong, mức lãi suất phát sinh được xác định theo hợp đồng tín dụng số 6610-LAV-2023 01444 ngày 16/5/2023 và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 6610-LDS-202302256 ngày 17/5/2023.

Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6610-LCL-2023TT107/HĐTC ngày 16/5/2023 được ký kết giữa ông Trần Văn S, bà Phạm Cẩm T1 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện V để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ

trả nợ cho hợp đồng tín dụng số 6610-LAV-2023 01444 ngày 16/5/2023 và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 6610-LDS-202302256 ngày 17/5/2023.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện V tự nguyện chịu 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), đã nộp xong.

Về án phí: Ông Trần Văn S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho Ngân hàng N 4.471.000đ (Bốn triệu, bốn trăm bảy mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 06/11/2024 theo biên lai thu tiền số 0002143.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa (nguyên đơn) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa (bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;

- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu